

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2023/HS-ST
Ngày 10/02/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vi Văn Thuận

2. Ông Lâu Văn Phía

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2023/TLST-HS ngày 10/01/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HS ngày 27/01/2023, đối với bị cáo:

Họ và tên **Lâu Văn D**, sinh năm 1977. Tên gọi khác: Không

Nơi sinh: Xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện tại: Bản Pù Đưa, xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Trình độ học vấn: 7/12 (Hiện tại không biết viết). Con ông: Lâu Văn H, đã chết và bà: Thao Thị D, đã chết; Vợ: Thao Thị M, sinh năm 1978; Con: Có 04 con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2004.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 07/01/2021, Lâu Văn D bị UBND xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường, thị trấn thời hạn 03 tháng (cai nghiện chất ma túy). D chấp hành xong ngày 07/4/2021.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/10/2022, chuyển tạm giam ngày 03/11/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hà Văn K - Trợ giúp viên pháp lý - Chi nhánh số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 07 giờ ngày 26/10/2022, Lâu Văn D đi bộ từ nhà của D đến bản Cơm, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa

để tìm mua Thuốc phiện sử dụng. Đến nơi, D gặp và hỏi mua 01 gói thuốc phiện với một người đàn ông dân tộc Mông không quen biết với số tiền là 200.000đ. Nhận được ma túy, D lấy túi nilon màu đen gói lại rồi cất vào túi quần phía trước, bên phải của D đang mặc trên người rồi đi lên rừng, thuộc địa phận bản Pù Đưa, xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát để tìm bò của gia đình D đang nuôi thả trên rừng. Trong lúc đi tìm bò, D lấy 01 phần thuốc phiện mua được ra sử dụng. Sử dụng xong ma túy, D gom toàn bộ sái thuốc phiện vừa sử dụng vào hộp nhựa mà D mang theo từ nhà ở trong túi quần phía trước, bên phải. Chiều ngày 28/10/2022, D quay về nhà, trên đường về thì bị Tổ công tác Đoàn biên phòng Quang Chiêu phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ số ma túy D đang cất trong túi quần đang mặc.

Tại bản Kết luận giám định số: 3718/KL-KTHS, ngày 31/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- 01 cục dạng dẻo màu đen được bao quanh nilon bên ngoài của phong bì niêm phong gửi giám định là Thuốc phiện, có tổng khối lượng 7,447g (Bảy phẩy bốn bốn bảy gam).

- Các mẫu vụn màu đen có kích thước không đều nhau của phong bì niêm phong gửi giám định có tổng khối lượng 4,677g (Bốn phẩy sáu bảy bảy gam). Tìm thấy chất ma túy, loại: Morphine trong các mẫu vụn màu đen có kích thước không đều nhau.

Ngày 25/11/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát Quyết định trưng cầu Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an giám định bổ sung về hàm lượng Morphine có trong các mẫu vụn màu đen có kích thước không đều nhau gửi giám định là bao nhiêu.

Tại bản Kết luận giám định số: 8106/KL-KTHS, ngày 02/12/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận:

Hàm lượng Morphine trong mẫu vật gửi giám định là 0,2%.

Như vậy, khối lượng Morphine có trong 4,677g (Bốn phẩy sáu bảy bảy gam) sái thuốc phiện thu giữ trong vụ án là: $4,677 \text{ gam} \times 0,2 : 100 = 0,00935\text{g}$ (Không phẩy không không chín ba năm gam).

Theo Nghị định số: 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015, thì: 0,00935g (Không phẩy không không chín ba năm gam) Morphine quy đổi ra Thuốc phiện như sau: $0,00935 \text{ gam} \times 100 : 10 = 0,0935\text{g}$ (Không phẩy không không chín ba năm gam) thuốc phiện.

Tổng khối lượng thuốc phiện Lâu Văn D tàng trữ là: 7,447g (Bảy phẩy bốn bốn bảy gam) + 0,0935g (không phẩy không không chín ba năm gam) = 7,54g (Bảy phẩy năm bốn gam).

Quá trình điều tra bị cáo Lâu Văn D đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số: 12/CT-VKS-ML ngày 09/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo Lâu Văn D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tranh luận và luận tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo khẳng định không ai xúi giục hay ép buộc nhận tội thay người khác, nên Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng và đề nghị HĐXX:

Tuyên Bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm b khoản 1 Điều 249 BLHS;

Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo từ **13 - 15** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, vì bị cáo làm nghề trồng trọt, thu nhập thấp, gia đình là hộ nghèo, nên không có tính khả thi.

Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật và miễn án phí HSST chi bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận, trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình, bị cáo khai, biết rõ hành vi tàng trữ ma túy trái phép để sử dụng là vi phạm pháp luật và bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng do bản thân bị nghiện chất ma túy, nên không tìm cách được hành vi, nên mới mua ma túy về sử dụng cho bản thân và cố tình phạm tội, bị cáo không nhằm mục đích nào khác. Bị cáo công nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới.

Người bào chữa cho bị cáo đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng, cũng như đề nghị của của Kiểm sát viên về mức hình phạt. Người bào chữa đề nghị HĐXX xem xét đến thái độ của bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đồng thời, bị cáo lại là người dân tộc thiểu số (H'Mông), hạn chế về nhận thức pháp luật. Nên, đề nghị HĐXX, xem xét xử bị cáo một mức án thấp nhất cấu khung hình phạt là phù hợp, vẫn có tính răn đe, phòng ngừa; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo vì bị cáo là người dân tộc thiểu số, làm nương rẫy, không có thu nhập thường xuyên, thuộc diện hộ nghèo và là người nghiện ma túy.

Bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa, không thay đổi, không bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS.

Lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Xét về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, trợ giúp viên pháp lý là người bào chữa cho bị cáo và bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, vật chứng thu giữ, không gian, thời gian, địa điểm, lời khai của người chứng kiến, kết luận giám định và chứng cứ khác trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 07 giờ ngày 26/10/2022, Lâu Văn D mua 01 gói thuốc phiện với một người đàn ông dân tộc Mông không quen biết với số tiền là 200.000đ. Mua được ma túy, D lấy túi nilon màu đen gói lại rồi cất vào túi quần phía trước, bên phải mà D đang mặc trên người rồi đi lên rừng để tìm bò của gia đình đang nuôi thả trên rừng. Trong lúc đi tìm bò, D lấy 01 phần thuốc phiện mua được ra sử dụng. Sử dụng xong ma túy, D gom toàn bộ sái thuốc phiện vừa sử dụng vào hộp nhựa mà D mang theo từ nhà ở trong túi quần phía trước, bên phải. Chiều ngày 28/10/2022, D quay về nhà, trên đường về thì bị Tổ công tác Đoàn biên phòng Quang Chiểu phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ số ma túy D đang cất trong túi quần đang mặc. Số ma túy thu giữ của bị cáo, bị cáo khai nhận cất giấu với mục đích sử dụng cho bản thân, không nhằm mục đích nào khác. Qua giám định chất ma túy thu giữ của bị cáo là thuốc phiện có tổng khối lượng là: 7,54g (*Bảy phẩy năm tư gam*). Như vậy, hành vi, khối lượng ma túy thu giữ, chất ma túy bị cáo cất giấu đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự Nước CHXHCN Việt Nam, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội: Tính chất vụ án là nghiêm trọng, vì bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết chất ma túy là chất gây nghiện, bị pháp luật nghiêm cấm, khi người sử dụng sẽ phải phụ thuộc hoàn toàn vào ma túy, ma túy còn hủy hoại thể chất, tinh thần và đồng thời cũng có thể là tác nhân phát sinh những tội phạm khác, nhưng bị cáo vẫn cố ý tàng trữ với mục đích sử dụng; hành vi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến sự quản lý độc quyền về các chất ma túy của Nhà nước, gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người nghiện, chỉ sử dụng cho bản thân không có mục đích gì khác; vì vậy, cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo có nhân thân xấu, đã từng được giáo dục tại xã phường về cai nghiện bắt buộc, khi chấp hành xong không chịu tu dưỡng, rèn luyện, lại tiếp tục lao vào nghiện chât ma túy, nên HĐXX sẽ cân nhắc để xem xét khi quyết định hình phạt.

[5] Về hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, khối lượng ma túy, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy: Cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất mức độ, hành vi của bị cáo gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời để bị cáo có thời gian cai nghiện chât ma túy. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Mưòng Lát thực hiện quyền công tố tại phiên tòa về hình phạt đối với bị cáo là phù hợp về khối lượng ma túy thu giữ, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 BLHS “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ....”. Nhưng xét bị cáo làm nương rẫy, lại là người nghiện ma túy, nên HĐXX miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định, là vật chứng của vụ án, là chât Nhà nước cấm lưu hành, tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện hộ nghèo và đã có đơn xin miễn án phí, nên HĐXX miễn án phí HSST cho bị cáo.

Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

[9] Các nhận định khác: Đối với người đàn ông dân tộc Mông đã bán ma túy cho bị cáo, bị cáo khai không quen biết, không biết tên tuổi, địa chỉ. Nên, Cơ quan CSĐT không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điều 38; Điều 50; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm b khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo **Lâu Văn D** phạm tội “Tàng trữ trái phép chât ma túy”.

Hình phạt: Xử phạt Bị cáo **Lâu Văn D 13** (Mười ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (28/10/2022).

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong mẫu vật còn lại sau giám định do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành sau giám định mặt trước ghi vụ Lâu Văn D Đồn Biên phòng quang Chiểu T/C 02 ngày 29/10/2022, mặt sau được dán kín, niêm phong bởi chữ ký ghi rõ họ tên của Nguyễn Trần Đ, Lê Minh T, Lê Văn T và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự làm giáp lai.

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong mẫu vật còn lại sau giám định do Viện khoa học hình sự Bộ Công an phát hành mặt trước ghi kính gửi cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, mặt sau được dán kín, niêm phong bởi chữ ký ghi rõ họ tên của Đặng Thị T, Triệu Văn S và các hình dấu đỏ tròn của Viện khoa học hình sự làm giáp lai.

Vật chứng hiện đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường Lát, theo Biên bản giao nhận vật chứng số: 33/2023/TV-CCTHADS ngày 10/01/2023 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa

Về án phí: Áp dụng điểm đ Khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên, miễn án phí HSST cho bị cáo Lâu Văn D.

Về kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ điều 331, điều 332, điều 333 và điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai, có mặt bị cáo và người bào chữa cho bị cáo. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Phòng KTNV, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Mường Lát;
- Phòng 7 - VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT - Công an H. Mường Lát;
- Cơ quan THAHS – Công an H. Mường Lát;
- Nhà tạm giữ - Công an H. Mường Lát;
- Bộ phận Hồ sơ - Công an H. Mường Lát;
- Đồn biên phòng Quang Chiểu;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Quang Chiểu, huyện Mường Lát;
- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Tiến Dũng

